

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ cầu Rạch Cát đến cầu Ghềnh tại phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020 - 2024;

Trên cơ sở Văn bản thẩm định số 4372/STC-HĐTĐGD ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh về việc thẩm định phương án giá



đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ cầu Rạch Cát đến cầu Ghềnh tại phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 775/TTr-STNMT ngày 16 tháng 7 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ cầu Rạch Cát đến cầu Ghềnh tại phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, với các nội dung sau:

1. Mục đích định giá đất và các thông tin về khu đất định giá

a) Mục đích định giá đất: Xác định giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

b) Các thông tin về khu đất định giá:

- Vị trí khu đất: được xác định theo 4 tờ Trích lục và đo chỉnh lý bản đồ địa chính khu đất số 3873; 3874; 3875; 3876/2013, tỷ lệ 1:500 do Văn phòng Đăng Ký đất đai tỉnh Đồng Nai thực hiện và ký xác nhận ngày 20/07/2013.

- Diện tích định giá: Tổng diện tích định giá là 4.003,9 m².

- Mục đích sử dụng: đất ở đô thị, đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.

- Hiện trạng: nhà, đất trống.

2. Phê duyệt kết quả định giá đất

giá đất để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ cầu Rạch Cát đến cầu Ghềnh tại phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, cụ thể như sau:

STT	Đường giao thông	Vị trí	Giá đất định giá (đồng/m ²)
A. Đất ở đô thị			
1	Đường Đỗ Văn Thi đoạn từ đường Nguyễn Tri Phương đến hết cây xăng An Thái An	VT1 (Từ mốc lộ giới đến hết mét thứ 50)	25.949.000
		VT1 (Từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100)	20.759.000
		VT2 (bê tông, nhựa)	12.491.000
		VT2 (đất)	10.201.000
		VT3 (bê tông, nhựa)	7.028.000

STT	Đường giao thông	Vị trí	Giá đất định giá (đồng/m ²)
		VT3 (đất)	5.739.000
		VT4 (bê tông, nhựa)	5.609.000
		VT4 (đất)	4.768.000
2	Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ cầu Rạch Cát đến cầu Ghềnh	VT1 (Từ mốc lộ giới đến hết mét thửa 50)	20.791.000
		VT1 (Từ sau mét thửa 50 đến hết mét thửa 100)	16.633.000
		VT2 (bê tông, nhựa)	10.128.000
		VT2 (đất)	8.271.000
		VT3 (bê tông, nhựa)	7.028.000
		VT3 (đất)	5.739.000
		VT4 (bê tông, nhựa)	5.609.000
		VT4 (đất)	4.768.000
3	Đường Đặng Đại Độ đoạn từ đường Nguyễn Tri Phương đến hết thửa đất số 56, tờ bản đồ số 60 (chiều dài 630m giáp bờ sông)	VT1 (Từ mốc lộ giới đến hết mét thửa 50)	16.937.000
		VT1 (Từ sau mét thửa 50 đến hết mét thửa 100)	13.550.000
		VT2 (bê tông, nhựa)	9.007.000
		VT2 (đất)	7.169.000
		VT3 (bê tông, nhựa)	7.028.000
		VT3 (đất)	5.739.000
		VT4 (bê tông, nhựa)	5.609.000
		VT4 (đất)	4.768.000
B. Đất cơ sở tín ngưỡng			
1	Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ cầu Rạch Cát đến cầu Ghềnh	VT3 (bê tông, nhựa)	4.217.000
		VT3 (đất)	3.443.400
C. Đất nông nghiệp (đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm); đất bằng chưa sử dụng			
1	Đường Đỗ Văn Thi, Đường Nguyễn Tri Phương, Đường Đặng Đại Độ thuộc phường Hiệp Hòa	VT1 (Từ mốc lộ giới đến hết mét thửa 50)	3.436.000
		VT1 (Từ sau mét thửa 50 đến hết mét thửa 100)	2.749.000
		VT2	2.838.000
		VT3	2.733.000
		VT4	2.440.000
D. Đất nông nghiệp (đất nuôi trồng thủy sản, đất rừng sản xuất)			
2	Đường Đỗ Văn Thi, Đường Nguyễn Tri Phương, Đường Đặng Đại Độ thuộc phường Hiệp Hòa	VT1 (Từ mốc lộ giới đến hết mét thửa 50)	3.436.000
		VT1 (Từ sau mét thửa 50 đến hết mét thửa 100)	2.749.000
		VT2	2.838.000

STT	Đường giao thông	Vị trí	Giá đất định giá (đồng/m ²)
		VT3	2.733.000
		VT4	2.440.000

3. Về việc xác định vị trí thửa đất để tính tiền bồi thường được thực hiện theo Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020-2024.

Sau khi được phê duyệt, đối với đất phi nông nghiệp không phải là đất ở (đất cơ sở tín ngưỡng), UBND thành phố Biên Hòa căn cứ Điều 80, Điều 81 Luật Đất đai năm 2013 để thực hiện việc bồi thường theo đúng quy định.

Điều 2. Căn cứ các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa chỉ đạo Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Biên Hòa tính toán lập phương án bồi thường theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa, Giám đốc Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Biên Hòa, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Hiệp Hòa, các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, PVB.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *biểu*

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Tấn Đức